

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2020/HS-ST  
Ngày 28-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lại Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.
2. Bà Nguyễn Kim Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 236/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Anh T, sinh năm 1993, tại H; hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh H; chỗ ở: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1954 ; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/7/2016, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Chấp hành xong án phí ngày 06/11/2016, chấp hành xong thời gian thử thách ngày 28/7/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/8/2020 (có mặt).

*Bị hại:* Ông Y, sinh năm 1993, đăng ký thường trú: Buôn D; xã Y, huyện L, tỉnh Đ (có đơn xin vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1978, địa chỉ: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh H (có mặt).

2. Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ K, địa chỉ: Ô 75-76, đường D3, khu dân cư M, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông T – Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc (có đơn xin vắng mặt).

3. Cty TNHH MTV Vàng bạc H, địa chỉ: Số 154, tổ 3, ấp 1, xã H, thị xã T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 154, tổ 3, ấp 1, xã H, thị xã T, tỉnh B (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Anh T và anh Y, sinh năm 1993, đăng ký thường trú: Buôn D; xã Y, huyện L, tỉnh Đ là bạn bè cùng làm Công ty Mẹ và Bé thuộc khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh B và cùng tạm trú ở tại ký túc xá của công ty.

Khoảng 07 giờ ngày 22/8/2019, T đến phòng của anh Y rủ anh Y đi uống rượu nhưng anh Y đang dọn dẹp phía trước phòng nên T vào phòng ngồi chơi. Tại đây, T nhìn thấy bóp da của anh Y để trên nền nhà ở góc phòng nên lấy mở ra xem thì thấy bên trong có 01 giấy biên nhận cầm đồ của tiệm K, trong biên nhận có ghi tài sản cầm cố là 01 sợi dây chuyền vàng 24K 300 (trọng lượng 03 chỉ) với số tiền cầm cố là 2.000.000 đồng. Do công ty chậm trả lương, không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm biên nhận cầm đồ của anh Y để chuộc lấy sợi dây chuyền vàng rồi đem bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, T lén lút rút lấy biên nhận cầm đồ của anh Y rồi bỏ về phòng trọ.

Sau đó, T đi đến khu vực huyện Bắc Tân Uyên gặp một người bạn tên Minh (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mượn được 2.000.000 đồng. Đến khoảng 09 giờ ngày 22/8/2019, T đi đến tiệm cầm đồ K ở khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B gặp anh Mai Văn C (sinh năm 1990, đăng ký thường trú: Thôn 3, xã Thọ D, huyện T, T) là quản lý tiệm cầm đồ, đưa biên nhận cầm đồ cho C xin chuộc lại tài sản. Sau khi kiểm tra biên nhận, anh C thấy đúng là biên nhận của tiệm mình và nghĩ T là chủ sở hữu của tài sản nên anh C cho T chuộc lại sợi dây chuyền vàng 24k với số tiền 2.040.000 đồng. Lấy được dây chuyền, T mang đến tiệm vàng H thuộc ấp 1, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bán được số tiền 11.400.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Tiệm vàng H mua sợi dây chuyền vàng của T mà không biết do bị cáo T lừa đảo mà có nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự.

Đến ngày 23/8/2019, anh Y phát hiện mất biên nhận cầm đồ thì nghi ngờ là T lấy nên đi đến tiệm cầm đồ K nhờ kiểm tra hình ảnh camera thấy T đến

chuộc dây chuyền vàng của anh Y vào sáng ngày 22/8/2019 nên anh Y đã báo cho Công ty Mẹ và Bé biết sự việc trên. Đến ngày 24/8/2019, T đến Công ty Mẹ và Bé để nhận tiền lương thì bị bảo vệ công ty giữ lại, trình báo Công an phường Thới Hòa đến mời T về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ:

- + 01 chứng minh nhân dân tên Trần Anh T
- + Tiền Việt Nam: 320.000 đồng của Trần Anh T
- + 01 hóa đơn bán hàng (bản chính)
- + 01 thẻ nhớ chứa 02 đoạn camera được trích xuất tại tiệm vàng K
- + 01 biên nhận cầm đồ (bản photo)

Theo Kết luận về việc định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của thị xã Bến Cát ngày 28/8/2019: 01 sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ trị giá 12.413.000 đồng.

Ngày 25/8/2019, anh Trần Văn T2, sinh năm: 1978, hộ khẩu thường trú: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh H là anh ruột của Trần Anh T đã tự nguyện bồi thường số tiền 13.000.000 đồng cho anh Y và không yêu cầu Trần Anh T trả lại tiền.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Kiểm sát viên, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá nêu trên của Hội đồng định giá tố tụng hình sự thị xã Bến Cát, về xử lý vật chứng và bồi thường trách nhiệm dân sự nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 239/CT-VKSBC ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Anh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo mức án tù 12 đến 14 tháng tù.

- Bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát, không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thay bị cáo bồi thường.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị hại không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận:

Khoảng 07 giờ ngày 22/8/2019, bị cáo qua phòng anh Y chơi, khi anh Y ra ngoài bị cáo thấy ở nền nhà có 01 cái bóp của anh Y, bị cáo mở bóp và thấy 01 Biên nhận cầm đồ có nội dung cầm sợi dây chuyền vàng 24K với số tiền cầm cố là 2.000.000 đồng. Lợi dụng anh Y không để ý, bị cáo đã lén lút lấy trộm Biên nhận cầm đồ nhằm mục đích mang đi chuộc lại tài sản mà anh Y đã cầm để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi lấy trộm được Biên nhận cầm đồ, bị cáo mang đến tiệm vàng K và đưa cho nhân viên tiệm vàng biên nhận cầm đồ nói chuộc lại 01 sợi dây chuyền vàng 24K, bị cáo không cung cấp bất cứ thông tin gì để lừa dối nhân viên tiệm vàng là người đang quản lý tài sản bị chiếm đoạt, nhân viên tiệm vàng kiểm tra biên nhận cầm đồ, không hỏi thông tin gì về người cầm đồ và thông tin về vàng cầm, sau khi kiểm tra biên nhận, nhân viên tiệm vàng kêu bị cáo đóng số tiền 2.040.000 đồng, trong đó số tiền cầm vàng là 2.000.000 đồng và lãi suất cầm đồ là 40.000 đồng, bị cáo đưa số tiền 2.040.000 đồng, nhận sợi dây chuyền vàng và bước ra khỏi tiệm vàng. Sau đó, bị cáo mang sợi dây chuyền vàng của anh Y đến tiệm vàng Huỳnh Hoa bán với giá 11.400.000 đồng. Số tiền bán được bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Xét hành vi chuộc dây chuyền vàng của bị cáo thực hiện tại tiệm vàng không đủ yếu tố cấu thành tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Quyết định truy tố

của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không có căn cứ, không đúng với tội danh mà bị cáo đã thực hiện nên không chấp nhận.

Như vậy, bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của anh Y đã thực hiện hành vi lén lút lấy biên nhận cầm đồ là giấy tờ có giá trị nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Y có giá trị 12.413.000 đồng, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử bị cáo tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham lam tư lợi nên bị cáo đã cố tình thực hiện. Bị cáo từng bị Tòa án xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”, nay lại tiếp tục phạm tội, trong quá trình tại ngoại điều tra bị cáo bỏ trốn khỏi nơi cư trú thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã vận động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 13.000.000 đồng. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường, ông Thống không yêu cầu bị hại hoàn trả lại số tiền đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 dây chuyền vàng 24K không thu hồi được.

- 01 chứng minh nhân dân của bị cáo và số tiền 320.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã trả cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trần Anh T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Anh T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Anh T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lại Thị Ngọc Bích**